

KIẾN THỨC VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN VỀ VỆ SINH TAY THƯỜNG QUY TRONG PHÒNG CHỐNG NHIỄM KHUẨN CỦA SINH VIÊN THUỘC KHOA Y TẾ CÔNG CỘNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2022

Nguyễn Thị Thu Thủy, Vương Tú Uyên, Lý Phi Hưng, Hồ Tú Mi, Nguyễn Nhựt Trường, Nguyễn Ngọc Huyền, Nguyễn Thị Thanh Thảo*

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

**Email: nnhuyen@ctump.edu.vn*

Ngày nhận bài: 14/10/2023

Ngày phản biện: 05/01/2024

Ngày duyệt đăng: 25/01/2024

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Vệ sinh tay là một biện pháp đơn giản, ít tốn kém, nhưng lại rất quan trọng và hiệu quả trong phòng tránh các bệnh nhiễm khuẩn lây lan. **Mục tiêu nghiên cứu:** (1) Xác định tỷ lệ sinh viên có kiến thức chung đúng về vệ sinh tay thường quy trong phòng chống nhiễm khuẩn của sinh viên thuộc Khoa Y tế công cộng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, (2) Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến kiến thức đúng về vệ sinh tay thường quy trong phòng chống nhiễm khuẩn của sinh viên thuộc Khoa Y tế công cộng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích, sử dụng câu hỏi tự điền ở sinh viên thuộc khoa Y tế công cộng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. **Kết quả:** Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng 70,5%, một số yếu tố liên quan đến kiến thức đúng bao gồm năm học ($p < 0,001$), ngành học ($p < 0,001$), hình thức biết vệ sinh tay qua gia đình và người thân ($p = 0,01$), tự tìm hiểu qua sách vở ($p = 0,024$), qua giờ thực hành và lý thuyết tại trường và bệnh viện ($p < 0,001$), bạn bè ($p = 0,042$), qua kênh truyền thông ($p = 0,003$). **Kết luận:** Kiến thức chung đúng về vệ sinh tay thường quy của sinh viên khoa Y tế công cộng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ còn hạn chế. Sinh viên cần tự giác nâng cao và bổ sung kiến thức về vệ sinh tay thường quy cùng với sự giúp đỡ từ nhà trường.

Từ khóa: Vệ sinh tay, sinh viên, kiến thức, Cần Thơ.

ABSTRACT

KNOWLEDGE AND RELATED FACTORS ROUTINE HAND HYGIENE IN THE PREVENTION OF BACTERIOLOGICAL INFECTIONS AMONG STUDENTS AT THE FACULTY OF PUBLIC HEALTH AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN 2022

Nguyen Thi Thu Thuy, Vuong Tu Uyen, Ly Phi Hung, Ho Tu Mi, Nguyen Nhut Truong, Nguyen Ngoc Huyen, Nguyen Thi Thanh Thao*

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Hand hygiene is a simple, inexpensive measure, but it is exceedingly important and effective in preventing the spread of infections diseases. **Objectives:** (1) To determine the proportion of the correct knowledge about routine hand hygiene in preventing infection among students at the Faculty of Public Health at Can Tho University of Medicine and Pharmacy, (2) To identify some related factors to the correct knowledge of hand hygiene in infection prevention of students of the Faculty of Public Health of Can Tho University of Medicine and Pharmacy. **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive study with analysis used a self-completed questionnaire among undergraduate students at the Faculty of Public Health at Can Tho University of Medicine and Pharmacy. **Results:** The percentage of students with the right knowledge was 70.5%, some related factors to the knowledge consisted of academic years ($p < 0.001$), major

($p < 0.001$) and resources of accessing knowledge of hand hygiene from family and relatives ($p = 0.01$), from self-study through books ($p = 0.024$), from practical and theory hours at schools and hospitals ($p < 0.001$), from friends ($p = 0.042$), from media channels ($p = 0.003$). **Conclusion:** The generally right knowledge of routine hand hygiene among students at the Faculty of Public Health at Can Tho University of Medicine and Pharmacy is still limited. Students need to improve themselves and enhance their knowledge of routine hand hygiene from the university's support.

Keywords: Hand hygiene, students, knowledge, Can Tho.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mỗi ngày bàn tay tiếp xúc với rất nhiều đồ vật mang mầm bệnh hay vi khuẩn mà mắt thường không thể nhìn thấy và chúng là những nguyên nhân gây ra bệnh cho cơ thể. Các nhà khoa học đã xác định, trên 1cm^2 da của người bình thường chứa tới 40.000 vi khuẩn [1]. Vệ sinh tay thường quy (VSTTQ) đúng cách và thường xuyên sẽ giúp hạn chế, ngăn ngừa tình trạng nhiễm bệnh. Một nghiên cứu của Helena Ojanpera và cộng sự (2020) ghi nhận việc tuân thủ vệ sinh tay của nhân viên y tế tăng thì số ca nhiễm trùng liên quan tới chăm sóc sức khỏe giảm cụ thể là việc tuân thủ vệ sinh tay tăng 10% thì số ca nhiễm trùng giảm 3% [2]. Trước tình hình đại dịch COVID-19 ở Việt Nam và thế giới hiện nay, biện pháp đơn giản, ít tốn kém chi phí, dễ thực hiện, nhưng lại rất quan trọng và hiệu quả trong phòng tránh virus lây lan đó là vệ sinh tay thường xuyên bằng xà phòng và nước sạch hoặc dung dịch vệ sinh tay. Kiến thức đúng và điều kiện vệ sinh tay tốt cũng góp phần quan trọng trong việc tuân thủ vệ sinh tay thường quy. Một nghiên cứu của Lương Anh Vũ (2020) về khảo sát kiến thức và thực hành vệ sinh tay thường quy phòng lây nhiễm COVID-19 của sinh viên (SV) trường Cao đẳng Y tế Hà Nội năm 2020 cho thấy tỷ lệ sinh viên được đào tạo có kiến thức đúng nhiều hơn sinh viên không được đào tạo (cao hơn gần 15%) [3]. Để có thể giúp đánh giá, cũng như tìm hiểu thêm về kiến thức, thái độ vệ sinh tay ở các bạn sinh viên Khoa Y tế công cộng, đồng thời tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ vẫn chưa ghi nhận nghiên cứu nào thực hiện trên sinh viên Y tế công cộng về vấn đề vệ sinh tay. Nghiên cứu này được thực hiện với các mục tiêu: (1) Xác định tỷ lệ sinh viên có kiến thức chung đúng về vệ sinh tay thường quy trong phòng chống nhiễm khuẩn của sinh viên thuộc Khoa Y tế công cộng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ; (2) Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến kiến thức đúng về vệ sinh tay thường quy trong phòng chống nhiễm khuẩn của sinh viên thuộc Khoa Y tế công cộng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu:

Sinh viên chính quy thuộc Khoa Y tế công cộng đang học tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ bao gồm sinh viên thuộc khối ngành Y học dự phòng (YHDP) và Y tế công cộng (YTCC).

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** SV đang học và đồng ý tham gia nghiên cứu.
- **Tiêu chuẩn loại trừ:** SV vắng mặt trong ngày phỏng vấn và sau 3 lần đến thu mẫu hoặc không trả lời đầy đủ bộ câu hỏi phỏng vấn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích.
- **Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:**
Sử dụng công thức cỡ mẫu ước lượng cho một tỷ lệ:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p \times (1-p)}{d^2}$$

Với $\alpha = 0,05$, $Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$, $d = 0,05$, $p=0,543$ (tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng theo nghiên cứu của tác giả Lương Anh Vũ và cộng sự [3]). Để hạn chế mất mẫu chúng tôi lấy thêm 5%, mẫu sau khi tính được và khi làm tròn là 400 sinh viên.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn toàn bộ sinh viên chính quy thuộc khoa YTCC bao gồm sinh viên khối ngành YHDP từ năm 1 đến năm 5 và YTCC từ năm 1 đến năm 3 (không bao gồm sinh viên năm cuối ở cả 2 ngành do tại thời điểm thu mẫu sinh viên năm cuối đã thi tốt nghiệp và đợi kết quả thi).

- **Nội dung nghiên cứu:**

+ Đặc điểm đối tượng nghiên cứu: Giới tính (nam và nữ), dân tộc (kinh, hoa, khmer và khác), ngành học (YHDP và YTCC), năm học (năm 1, năm 2, năm 3, năm 4 và năm 5).

+ Tỷ lệ kiến thức đúng về vệ sinh tay thường quy trong phòng chống nhiễm khuẩn: nội dung được đánh giá thông qua bộ câu hỏi gồm 10 nội dung (Kiến thức về khái niệm VSTTQ, Kiến thức về lợi ích của VSTTQ, Kiến thức về 5 thời điểm phải VSTTQ theo khuyến cáo của WHO trong thực hành tại bệnh viện, Kiến thức về thời điểm VSTTQ trong sinh hoạt, Kiến thức về số bước trong VSTTQ, Kiến thức về số lần chà sát trong mỗi bước VSTTQ, Kiến thức về thời gian tối thiểu VSTTQ, Kiến thức về mối liên hệ giữa VSTTQ và nhiễm khuẩn, Kiến thức về vai trò của VSTTQ trong phòng chống nhiễm khuẩn, Kiến thức về các yếu tố làm tăng tỷ lệ tuân thủ VST, Kiến thức chung về VSTTQ trong phòng chống nhiễm khuẩn). Sinh viên trả lời đúng $\geq 8/10$ (80%) nội dung thì được xem là có kiến thức chung đúng, ngược lại là không.

+ Yếu tố liên quan đến kiến thức đúng được phân tích gồm: đặc điểm đối tượng nghiên cứu và các hình thức biết về VSTTQ.

- **Thời gian thực hiện nghiên cứu:** Từ tháng 7 năm 2022 đến tháng 8 năm 2022.

- **Phương pháp xử lý số liệu:**

Số liệu được nhập và phân tích bằng phần mềm thống kê SPSS 20.0 và Excel 2010. Phân tích xác định tỷ lệ kiến thức đúng về VSTTQ dưới dạng tỷ lệ phần trăm (%); các yếu tố liên quan đến kiến thức đúng được xác định với tỷ số chênh (OR), khoảng tin cậy 95% của OR và kiểm định χ^2 với mức ý nghĩa $\alpha = 0,05$ được lấy để xem xét sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi $p < 0,05$.

- **Đạo đức nghiên cứu:** Nghiên cứu đã được thông qua xét duyệt của Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của mẫu nghiên cứu

Trong 400 đối tượng tham gia nghiên cứu, tỷ lệ nữ chiếm tỷ lệ 66,7% và nam chiếm tỷ lệ 33,3%; sinh viên là dân tộc kinh chiếm tỷ lệ cao nhất với 87,7%; ngành học có số lượng sinh viên là Y học dự phòng (YHDP) chiếm 81,7% và Y tế công cộng (YTCC) chiếm 18,3%; đa số là sinh viên năm 2 với tỷ lệ 24,3%, thấp nhất là sinh viên năm 4 với 11,7%; đa số sinh viên ở trọ chiếm 76,8% và biết về VSTTQ thông qua các tiết học trong giờ thực hành và lý thuyết tại trường và bệnh viện chiếm 80,5%.

3.2. Kiến thức về VSTTQ trong phòng chống nhiễm khuẩn của sinh viên

Bảng 1. Kiến thức đúng về VSTTQ trong phòng chống nhiễm khuẩn của sinh viên (n=400)

Kiến thức	Tần số	Tỷ lệ (%)
Kiến thức về khái niệm VSTTQ	341	85,3
Kiến thức về lợi ích của VSTTQ	224	56
Kiến thức về 5 thời điểm phải VSTTQ theo khuyến cáo của WHO trong thực hành tại bệnh viện	224	56
Kiến thức về thời điểm VSTTQ trong sinh hoạt	395	98,7
Kiến thức về số bước trong VSTTQ	293	73,3
Kiến thức về số lần chà sát trong mỗi bước VSTTQ	226	56,5
Kiến thức về thời gian tối thiểu VSTTQ	259	64,8
Kiến thức về mối liên hệ giữa VSTTQ và nhiễm khuẩn	342	85,5
Kiến thức về vai trò của VSTTQ trong phòng chống nhiễm khuẩn	290	72,5
Kiến thức về các yếu tố làm tăng tỷ lệ tuân thủ VSTTQ	299	74,8
Kiến thức chung về VSTTQ trong phòng chống nhiễm khuẩn	282	70,5

Trong 400 sinh viên tham gia nghiên cứu, có 282 sinh viên có kiến thức chung đúng về VSTTQ trong phòng chống nhiễm khuẩn với 70,5% và 118 sinh viên có kiến thức chưa đúng chiếm 29,5%.

3.3. Các yếu tố liên quan đến kiến thức về VSTTQ trong phòng chống nhiễm khuẩn

Bảng 2. Mối liên quan giữa kiến thức đúng về VSTTQ trong phòng chống nhiễm khuẩn theo đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm đối tượng nghiên cứu		Kiến thức chung		OR (KTC 95%)	p
		Đúng n (%)	Chưa đúng n (%)		
Năm học	Từ năm 2 trở lên	243 (75,7)	78 (24,3)	3,195 (1,920-5,318)	< 0,001
	Năm 1	39 (49,4)	40 (50,6)		
Ngành học	YHDP	247 (75,5)	80 (24,5)	3,352 (1,985-5,660)	< 0,001
	YTCC	35 (47,9)	38 (52,1)		

Nhận xét: Sinh viên từ năm 2 trở lên có kiến thức chung đúng về VSTTQ cao hơn so với sinh viên năm nhất, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$, OR = 3,195, KTC 95% (1,920-5,318). Sinh viên ngành YHDP có kiến thức chung đúng về VSTTQ cao hơn so với sinh viên ngành YTCC, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$, OR = 3,352, KTC 95% (1,985-5,660).

Bảng 3. Mối liên quan giữa kiến thức đúng về VSTTQ trong phòng chống nhiễm khuẩn với hình thức biết về VSTTQ

Hình thức biết về VSTTQ		Kiến thức chung		OR (KTC 95%)	p
		Đúng n (%)	Chưa đúng n(%)		
Qua gia đình và người thân	Có	219 (74)	77 (26)	1,851 (1,155-2,965)	0,01
	Không	63 (60,6)	41 (39,4)		
Tự tìm hiểu qua sách vở	Có	180 (74,7)	61 (25,3)	1,649 (1,067-2,548)	0,024
	Không	102 (64,2)	57 (35,8)		
Giờ thực hành và lý thuyết	Có	249 (77,3)	73 (22,7)	4,561 (2,767-7,819)	< 0,001
	Không	33 (42,3)	45 (57,7)		
Bạn bè	Có	129 (75,9)	41 (24,1)	1,583 (1,014-2,472)	0,042
	Không	153 (66,5)	77 (33,5)		

Hình thức biết về VSTTQ		Kiến thức chung		OR (KTC 95%)	p
		Đúng n (%)	Chưa đúng n(%)		
Qua kênh truyền thông	Có	231 (74)	81 (26)	2,069 (1,264-3,388)	0,003
	Không	51 (58)	37(42)		

Nhận xét: Qua khảo sát cho thấy được có mối liên quan giữa kiến thức chung về VSTTQ trong phòng chống nhiễm khuẩn với hình thức biết VSTTQ qua gia đình và người thân với $p = 0,01$, OR = 1,851, KTC 95% (1,155-2,965), tự tìm hiểu qua sách vở với $p = 0,024$, OR = 1,649, KTC 95% (1,067-2,548), giờ thực hành và lý thuyết tại trường và bệnh viện với $p < 0,001$, OR = 4,561, KTC 95% (2,767-7,819), bạn bè với $p = 0,042$, OR = 1,583, KTC 95% (1,014-2,472), qua kênh truyền thông với $p = 0,003$, OR = 2,069, KTC 95% (1,264-3,388).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Kiến thức về vệ sinh tay thường quy trong phòng chống nhiễm khuẩn của sinh viên Khoa Y tế công cộng

Qua khảo sát, kiến thức chung đúng về VSTTQ trong phòng chống nhiễm khuẩn, nghiên cứu thu được kết quả là 70,5% cao hơn so với nghiên cứu của tác giả Lương Anh Vũ và cộng sự (2020) với tỷ lệ 54,3% [3]. Nhưng trong nghiên cứu này lại thấp hơn nghiên cứu của Trần Thái Phúc, Tăng Thị Hảo (2020) với tỷ lệ 87,4% [4]. Nhìn chung, một số sinh viên đã có kiến thức đúng về VSTTQ trong phòng chống nhiễm khuẩn, trong khi đó một số khác chưa có đầy đủ kiến thức cần thiết. Điều này có thể dẫn đến sự khác biệt trong việc áp dụng các biện pháp phòng chống nhiễm khuẩn giữa những sinh viên có kiến thức và những sinh viên chưa có đủ kiến thức. Trong nghiên cứu, tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về khái niệm VSTTQ khá cao với 85,3%. Điều này có thể cho thấy rằng đa số sinh viên có kiến thức về khái niệm VSTTQ đúng cách, nhưng một số khác có thể chưa hiểu rõ hoặc còn mơ hồ về khái niệm này. Bên cạnh đó, tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về lợi ích VSTTQ chiếm 56% cao hơn nghiên cứu của các tác giả Trần Thị Thu Trang, Nguyễn Tấn Thuận, Nguyễn Phú Ngọc Hân có tỷ lệ kiến thức đúng về mục đích VSTTQ là 40,0% [5]. Điều này cho thấy rằng có sự cải thiện đáng kể về kiến thức của sinh viên về lợi ích VSTTQ trong phòng chống nhiễm khuẩn. Tuy nhiên, việc tỷ lệ kiến thức về lợi ích VSTTQ chỉ 56% cho thấy vẫn còn một số sinh viên chưa có đầy đủ kiến thức về lợi ích VSTTQ, có thể gây ra nguy cơ lây nhiễm và ảnh hưởng đến sức khỏe của các cá nhân cũng như cộng đồng. Kết quả trong nghiên cứu về quy trình số bước trong VSTTQ với 73,3% cao hơn so với nghiên cứu ở sinh viên tại Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội (2020) của Lương Anh Vũ với tỷ lệ là 52,7% [3]. Kiến thức về số lần chà sát đôi bàn tay của sinh viên trong nghiên cứu chiếm tỷ lệ 56,6% thấp hơn rất nhiều trong một nghiên cứu của các tác giả Trần Thị Thu Trang, Nguyễn Tấn Thuận, Nguyễn Phú Ngọc Hân (2017) với tỷ lệ 80% trước can thiệp [5]. Qua kết quả phân tích cho thấy có thể nhiều sinh viên đang chưa áp dụng đúng cách các kỹ thuật VSTTQ, bao gồm số lần chà sát đôi bàn tay có thể dẫn đến sự lây lan của các vi khuẩn và bệnh tật trong cộng đồng. Kết quả nghiên cứu thu được có 64,8% sinh viên trả lời đúng thời gian tối thiểu VSTTQ gần bằng với nghiên cứu của Nguyễn Thị Phương, Kim Bảo Giang, Trần Thị Giáng Hương (2022) là 65,9% [6]. Trong khi đó, ở nghiên cứu Trần Thị Thu Trang, Nguyễn Tấn Thuận (2017) có tỷ lệ cao hơn với 85,5% trả lời đúng [5]. Qua đó, chúng ta thấy rằng sinh viên có thể có kiến thức chưa đầy đủ về thời gian VSTTQ đúng cách để đảm bảo sức khỏe và phòng chống nhiễm khuẩn. Dựa vào kết quả nghiên cứu, đa số sinh

viên có kiến thức đúng về mối liên hệ giữa VSTTQ và nhiễm khuẩn với tỷ lệ 85,5%. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này lại thấp hơn so với nghiên cứu của tác giả Bàn Thị Thanh Huyền (2010) với tỷ lệ đồng ý rằng VSTTQ có thể làm giảm tỷ lệ nhiễm khuẩn ở người bệnh là 98,7% và làm giảm tỷ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện ở nhân viên y tế là 96,2% [7]. Điều này có thể được giải thích bởi sự khác biệt về phạm vi và đối tượng nghiên cứu giữa hai nghiên cứu này. Qua nghiên cứu, kết quả ghi nhận có 85,5% sinh viên có kiến thức đúng về vai trò của VSTTQ trong phòng chống nhiễm khuẩn và có 60,8% tỷ lệ sinh viên chọn dung dịch cồn là phương pháp nhanh và tối ưu trong VSTTQ. Kết quả này thì thấp hơn so với nghiên cứu của tác giả Bàn Thị Thanh Huyền tỉnh Hòa Bình (2010) cho thấy tỷ lệ này đạt 90% [7].

4.2. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức chung về vệ sinh tay thường quy trong phòng chống nhiễm khuẩn của sinh viên Khoa Y tế công cộng

Trong các đặc điểm của đối tượng nghiên cứu đã tìm thấy một số yếu tố có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với kiến thức chung. Có mối liên quan giữa năm học và kiến thức chung về VSTTQ với sinh viên từ năm 2 trở lên với tỷ lệ kiến thức chung đúng chiếm 75,7% và năm 1 chiếm 49,4%. Sinh viên năm 2 trở lên có kiến thức chung đúng về VSTTQ cao gấp 3,2 lần so với sinh viên năm 1 với $p < 0,001$, KTC 95% (1,920-5,318). Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Lương Anh Vũ và cộng sự với sinh viên năm 2 trở lên cao gấp 2,18 lần so với sinh viên năm 1 và khá tương đồng với nghiên cứu của Lý Văn Xuân về VSTTQ của học sinh điều dưỡng trường trung cấp Phương Nam [3], [8]. Điều này có thể hiểu rằng, sinh viên năm 1 vừa mới vào trường vẫn chưa được tiếp thu nhiều hơn về VSTTQ. Trong khi đó sinh viên từ năm 2 trở lên đã được học và tiếp cận về VSTTQ nhiều hơn, đồng thời, đây cũng là khoảng thời gian sinh viên bắt đầu đi thực tập lâm sàng. Qua khảo sát còn thấy được sinh viên ngành YHDP có kiến thức chung đúng về VSTTQ trong phòng chống nhiễm khuẩn cao hơn gấp 3,352 lần so với sinh viên ngành YTCC với $p < 0,001$, KTC 95% (1,985-5,660). Có thể lý giải điều này rằng, sinh viên ngành YHDP từ năm 2 đã bắt đầu tiếp xúc với môi trường bệnh viện từ vòng điều dưỡng cơ bản do đó các bạn sinh viên không những có thể học được lý thuyết nhiều hơn mà còn có thể thực hành tại bệnh viện dưới sự hướng dẫn của điều dưỡng từ đó có thể nâng cao kiến thức nhiều hơn. Bên cạnh đó còn tìm thấy được sinh viên có hình thức biết về VSTTQ qua gia đình và người thân cao gấp 1,9 lần với $p = 0,01$, KTC 95% (1,155-2,965), qua sách vở cao gấp 1,649 lần với $p = 0,024$, KTC 95% (1,155-2,965), qua giờ thực hành và lý thuyết tại trường và bệnh viện cao gấp 4,5 với lần $p < 0,001$, KTC 95% (2,767-7,819), bạn bè với $p = 0,042$, KTC 95% (1,014-2,472), qua kênh truyền thông cao gấp 2 lần với $p = 0,003$, KTC 95% (1,264-3,388) so với sinh viên biết về VSTTQ không thông qua những hình thức này. Kết quả này có phần cao hơn so với nghiên cứu của Lương Anh Vũ và cộng sự khi sinh viên được học cả lý thuyết và thực hành tại trường và bệnh viện cao gấp 2,06 lần và tác giả Sreejith S. N. cũng nghiên cứu trên sinh viên điều dưỡng và sinh viên y khoa tại Ấn Độ cũng cho kết quả tương tự: sinh viên được đào tạo chính thức cả lý thuyết và thực hành VSTTQ có sự khác biệt đáng kể ($p < 0,001$) với các sinh viên chỉ được học lý thuyết [3], [9]. Có thể thấy được sinh viên được học qua giờ thực hành và lý thuyết tại trường và bệnh viện có kiến thức chung đúng cao hơn rất nhiều so với những hình thức còn lại là do sinh viên được tiếp cận nhiều hơn và học nhiều hơn về VSTTQ.

V. KẾT LUẬN

Kiến thức về vệ sinh tay thường quy của sinh viên khoa Y tế công cộng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ chiếm tỷ lệ chưa cao so với yêu cầu đối với sinh viên thuộc khối ngành khoa học sức khỏe, đặc biệt nhóm sinh viên liên quan trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng. Sinh viên YHDP, YTCC cần tự giác nâng cao và bổ sung kiến thức về vệ sinh tay thường quy cùng với sự giúp đỡ và hỗ trợ từ nhà trường để giúp bảo vệ an toàn cho bệnh nhân cũng như chính bản thân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Ngọc Hân, Mai Thụy Khánh Đoàn, Hoàng Thị Thúy An, Phan Thị Dung, Hồ Thị Hồng Đào và cộng sự. Thực trạng thực hành vệ sinh tay của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*, 2022. (50), 48-53, <https://doi.org/10.58490/ctump.2022i50.121>.
 2. Helena Ojanperä, Outi I Kanstea and Hannu Syrjala. Hand-hygiene compliance by hospital staff and incidence of healthcare-associated infections, Finland. *Bulletin of the World Health Organisation*. 2020. 475-483, <https://doi.org/10.2471%2FBLT.19.247494>.
 3. Lương Anh Vũ, Phạm Văn Tân, Mã Thị Hồng Liên, Vũ Thị Minh Hiền, Hoàng Anh Lân. Khảo sát kiến thức và thực hành vệ sinh tay thường quy phòng lây nhiễm Covid của sinh viên trường Cao đẳng Y tế Hà Nội năm 2020. *Tạp chí Y dược cổ truyền Việt Nam*. 2020. 913(1), 134-138, <https://doi.org/10.60117/vjmap.v36i3.153>.
 4. Trần Thái Phúc, Tăng Thị Hào. Kiến thức, thái độ và thực hành của điều dưỡng về rửa tay thường quy ở bệnh viện nhi Thái Bình năm 2020. *Tạp chí Y học cộng đồng*. 2020. 63(2), 121-126, [https://doi.org/10.52163/yhc.v62i2%20\(2021\).77](https://doi.org/10.52163/yhc.v62i2%20(2021).77).
 5. Trần Thị Thu Trang, Nguyễn Tân Thuận. Đánh giá hiệu quả can thiệp về vệ sinh tay cho nhân viên y tế tại Bệnh viện Tai Mũi Họng TP. Hồ Chí Minh năm 2017. *Báo Thời sự Y học*. 2017, 55-59.
 6. Phùng Thị Phương, Kim Bảo Giang, Trần Thị Giáng Hương. Khảo sát kiến thức và tỷ lệ tuân thủ vệ sinh tay trước và sau khi can thiệp tại bệnh viện quân y 354. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2022. 516 (1), 180-185, <https://doi.org/10.51298/vmj.v516i1.2980>.
 7. Bàn Thị Thanh Huyền, Phan Văn Tường. Kiến thức, thực hành tuân thủ vệ sinh bàn tay của nhân viên y tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình năm 2010. *Tạp chí Y học thực hành*. 2010. 813(3), 119-121.
 8. Lý Văn Xuân, Lê Thị Mỹ Ly. Kiến thức, thực hành của học sinh điều dưỡng trường Trung cấp Phương Nam thực hiện rửa tay thường quy khi chăm sóc bệnh nhân tại bệnh viện năm 2012. *Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh*. 2014. 18(5), 51-56.
 9. Sreejith Sasidhana Nair, Ramesh Hanumantappa, Shashidhar Gurushantswamy Hiremath, Mohammed Asaduddin Siraj and Pooja Raghunath. Knowledge, Attitude, and Practice of Hand Hygiene among Medical and Nursing Students at a Tertiary Health Care Centre in Raichur, India. *ISRN Preventive Medicine*. 2014(7), 608, <https://doi.org/10.1155/2014/608927>.
-